TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/DS-PT
Ngày 10 - 01- 2024
"V/v tranh chấp hợp đồng chuyển giao quyền yêu cầu"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thuý Mai

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Trọng

Bà Nguyễn Thị Thu Hà

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Ông Phùng Ngọc Tuấn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 128/2023/TLPT- DS ngày 09/11/2023 về việc tranh chấp hợp đồng chuyển giao quyền yêu cầu. Do bản án Dân sự sơ thẩm số 24/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện LT có kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 133/2023/QĐ-PT ngày 05 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Vũ Viết Q, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn RK, xã TH, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Vũ L, sinh năm 1980

Nơi cư trú: TDP QK, thị trấn HS, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt - Có đơn xin xét xử vắng mặt)

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1952

Nơi cư trú: TDP QK, thị trấn HS, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

- Chị Đỗ Thị Kim S (L), sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn ĐT, xã TH, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

Người kháng cáo: ông Nguyễn Vũ L, sinh năm 1980; địa chỉ: TDP QK, thị trấn HS, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 21 tháng 02 năm 2023 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn anh Vũ Viết Q trình bày:

Ngày 10 tháng 8 năm 2021, anh và chị Đỗ Thị Kim S (tên gọi khác là Đỗ Thị Kim L) ở thôn ĐT, xã TH, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc có thỏa thuận viết giấy chuyển giao quyền đòi nợ của chị S đối với anh Nguyễn Vũ L, sinh năm 1982 ở TDP QK, thị trấn HS, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc cho anh với số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất 2%/tháng trong thời hạn 12 tháng tính từ ngày 01/7/2016. Sau khi thỏa thuận việc chuyển giao quyền yêu cầu đòi nợ giữa anh và chị S, thì chị S có làm thông báo chuyển giao quyền yêu cầu đòi nợ cho anh L và anh là người trực tiếp gửi hộ cho chị S. Khi nhận chuyển giao quyền yêu cầu đòi nợ anh có làm văn bản yêu cầu anh L trả nợ, nhưng anh L không trả và cũng không thông báo lại cho anh.

Khi làm giấy chuyển giao quyền yêu cầu chị S có chuyển cho anh quyền đòi 150.000.000 đồng, tuy nhiên theo giấy khất nợ ngày 13/7/2019 anh L chỉ còn nợ chị S là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng). Quá trình giải quyết vụ án chị S xác nhận anh L đã trả được số tiền là 72.000.000 đồng (Bảy mươi hai triệu đồng). Do vậy, anh xác định chị S chuyển giao quyền yêu cầu đòi nợ đối với anh L số tiền là 48.000.000 đồng. Nay anh yêu cầu anh L phải trả cho anh số tiền còn nợ là 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Nguyễn Vũ L đến Tòa án làm việc, nhưng anh L đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai cũng như không tiến hành hòa giải được; anh L cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh Q.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Đỗ Thị Kim S trình bày: Chị và anh Nguyễn Vũ L có quan hệ là bạn bè. Anh L có hỏi vay chị một số tiền để kinh doanh, năm 2016 chị có cho anh L vay tiền nhiều lần tổng cộng là 150.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng trong thời hạn 12 tháng tính từ ngày 01/7/2016. Đến ngày 13/7/2019 anh L có viết giấy nhận nợ với chị số tiền 120.000.000 đồng và hẹn đến tháng 12/2019 sẽ trả hết số nợ trên. Ngày 10/8/2021 chị có làm giấy chuyển giao quyền yêu cầu đòi nợ đối với anh L cho anh Vũ Viết Q số tiền 150.000.000 đồng. Khi thực hiện việc chuyển giao quyền yêu cầu cho anh Q chị có đến nhà anh L để thông báo nhưng anh L không có nhà, chị có làm thông báo và nhờ anh Q gửi cho anh L. Quá trình giải quyết vụ án chị xác định anh L và mẹ anh L là bà Nguyễn Thị Kh đã trả cho chị số tiền 72.000.000 đồng và còn nợ số tiền là 48.000.000 đồng. Nay chị đã chuyển giao quyền yêu cầu cho anh Q, chị không liên quan đến khoản nợ này, đề nghị Tòa án buộc anh L trả số tiền trên cho anh Q.

Bà Nguyễn Thị Kh trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh L, bà có nhận được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Tòa án triệu tập anh L đến làm việc theo nội dung khởi kiện của anh Vũ Viết Q. Tuy nhiên anh L đi làm ăn xa, địa chỉ cụ thể như thế nào bà không nắm được, do vậy anh L không đến Tòa án làm việc được, anh L chỉ liên lạc qua điện thoại và thỉnh thoảng về qua nhà. Về

khoản vay nợ đối với chị Đỗ Thị Kim S (tên gọi khác là L) bà được biết là do làm ăn nên có vay nợ của chị S cụ thể vay bao nhiêu tiền bà không biết. Quá trình vay nợ thì anh L có nói chuyện đã trả hết cho chị S tiền và bà là người trực tiếp trả cho chị S 22.000.000 đồng hộ anh L, bà có yêu cầu chị L ký giấy nhận tiền. Anh L đi làm ăn kinh tế xa gia đình việc anh L có nhận được thông báo chuyển giao quyền yêu cầu hay không bà không biết. Anh L có biết việc Tòa án đang thụ lý yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Viết Q liên quan đến khoản nợ của chị S, các giấy tờ, thông báo của Tòa án khi bà nhận được đều có thông báo cho anh L biết. Nay anh Q có đơn khởi kiện đòi nợ anh L số tiền 48.000.000 đồng quan điểm của bà đối với khoản nợ này anh L đã trả hết cho chị S. Do vậy, hiện nay anh L không còn nợ chị S nữa.

Với nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 24/2023/DS-ST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện LT đã căn cứ vào các 357, 365, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26, 35, 39, 147 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Viết Q. Buộc anh Nguyễn Vũ L phải trả cho anh Vũ Viết Q số tiền 48.000.000 đồng (*Bốn mươi tám triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Vũ Viết Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Vũ L không thanh toán số tiền trên thì anh L phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí dân sự, quyền thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 13 tháng 10 năm 2023, bị đơn ông Nguyễn Vũ L kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm số 24/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 24/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc; bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu không được chấp nhận

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Vũ L làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét giải quyết.

Tại phiên toà nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Thị Kim S (L) đã được triệu tập lần 2 nhưng vắng mặt, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt do vậy căn cứ Điều 228, khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Toà án xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung: Xem xét các tài liệu trong hồ sơ và tại phiên toà thấy rằng nguồn gốc số tiền 48.000.000 đồng mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là số tiền trước đây anh Nguyễn Vũ L vay của chị Đỗ Thị Kim S (tức L). Chứng cứ nguyên đơn xuất trình là "Giấy khất nợ" đề ngày 13/7/2019 trong đó anh L có xác nhận nợ chị S 120.000.000 đồng. Trong tài liệu trên còn thể hiện tại mặt sau của giấy khất nợ chị Đỗ Thị Kim S (ký tên là L - Đỗ Thị Kim L) xác nhận "ngày hôm nay 13/7/2019 tổng tôi đã nhận của anh L 50 triệu – năm mươi triệu đồng chẵn"; Đến ngày 24/02/2021 bà Nguyễn Thị Kh là mẹ của anh L đã thay anh L trả cho chị S (L) số tiền 22.000.000 đồng, như vậy tổng anh L đã trả được cho chị S số tiền 72.000.000 đồng nên chị S xác nhận anh L chỉ còn nợ số tiền 48.000.000 đồng là có căn cứ.

Ngày 10/8/2021 anh Q và chị S đã làm giấy chuyển giao quyền đòi nợ từ chị S cho anh Q, do vậy khoản tiền nợ 48.000.000 đồng của anh L đối với chị S đã được chuyển giao cho người thế quyền là anh Q theo quy định tại Điều 365 Bộ luật dân sự 2015.

Anh L kháng cáo cho rằng đã trả hết nợ cho chị S nên không đồng ý với bản án sơ thẩm về việc buộc trả cho anh Q số tiền 48.000.000đ. Tuy nhiên quá trình chuẩn bị xét xử anh L không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới và tại phiên toà phúc thẩm anh L vắng mặt. Do vậy không có căn cứ xem xét và chấp nhận kháng cáo của anh L cần giữ nguyên bản án sơ thẩm buộc anh L phải trả cho anh Q số tiền 48.000.000đ là có căn cứ.

[3] Về án phí: Anh L phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.400.000 đồng và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả anh Vũ Viết Q số tiền tạm ứng án phí 3.750.000 đồng.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Vũ L. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 24/2023/DS-ST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ các Điều 357,365,463,466,468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26,35,39,147 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Viết Q.

1. Buộc anh Nguyễn Vũ L phải trả cho anh Vũ Viết Q số tiền 48.000.000 đồng (*Bốn mươi tám triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Vũ Viết Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Vũ L không thanh toán số tiền trên thì anh L phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Vũ L phải chịu 2.400.000 đồng (*Hai triệu bốn trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000002 ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc

Hoàn trả anh Vũ Viết Q số tiền tạm ứng án phí 3.750.000đ (*Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai số 0006636 ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện LT;
- TAND huyện LT;
- Chi cục THADS huyện LT;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phạm Thị Thuý Mai